

CTCP Tập đoàn Container Việt Nam (VSC)

ĐHCĐ

Nguyễn Hồng Quang
Chuyên viên

ĐHCĐ Cảng và logistics

Các chỉ số chính

Giá trị vốn hóa USD	100,9 triệu
GTGD bình quân ngày trong 30 ngày qua USD	397.101
Sở hữu của khối ngoại	49%
Room tối đa cho khối ngoại	49%

SL cổ phiếu lưu hành	28,6 triệu
SL CP pha loãng hoàn toàn	28,6 triệu
Mức cao nhất 12 tháng VND	79.500
Mức thấp nhất 12 tháng VND	31.800

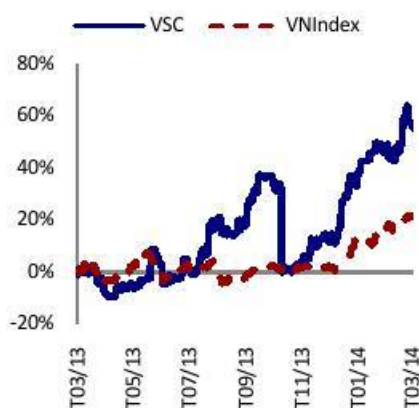
Cơ cấu cổ đông

Swiftcurrent Offshore, Ltd.	7,57%
Vietnam Holding, Ltd.	6,86%
FTIF	5,49%
Khác	80,08%

Mô tả công ty

CTCP Tập đoàn Container Việt Nam chuyên về quản lý cảng, cho thuê kho container, bốc dỡ hàng hóa, vận chuyển hàng hóa và môi giới hàng hải, và các dịch vụ vận chuyển trong đất liền.

Diễn biến tương đối giá cổ phiếu



Dự định xây cảng container mới, năm 2014 tăng trưởng chậm

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của VSC, tổ chức hôm Thứ Sáu, 21/03. Ban lãnh đạo công bố kế hoạch đầy tham vọng cho năm 2014, có thể có tác động tích cực tới kịch bản tăng trưởng của công ty trong trung hạn.

Dự án cảng container mới dần được phát triển

VSC dự kiến sẽ hoàn tất thêm một cảng container trong vòng 18 tháng tới. Tổng chi phí ước tính là 1.000 tỷ đồng. Dự án được chia thành hai giai đoạn. Trong giai đoạn đầu, chi phí vào khoảng 786 tỷ đồng, gồm cơ sở hạ tầng cơ bản, một cầu cảng dài 200m và hai cần trục. Sang giai đoạn hai, công ty sẽ đưa vào hoạt động thêm một cầu cảng và hai cần trục nữa. Dự án sẽ được tài trợ một phần với 500 tỷ đồng tín dụng ngân hàng, thời hạn 5 năm. Dự án hiện vẫn chưa được khởi công.

Cảng container này sẽ có sức chứa thiết kế 500.000 TEU/năm, tương đương quy mô cảng của DVP (một đối thủ cạnh tranh của VSC) và có thể đón được các tàu tải trọng 20.000 DWT. Tổng sức chứa của cảng Green Port và cảng mới sẽ vào khoảng 800.000 TEU/năm. Dự kiến thời gian hoàn vốn của dự án là bảy năm. Ban lãnh đạo cho biết, giá trị hiện tại ròng của dự án ước đạt 1.353 tỷ đồng, tương đương 39.300 đồng/cổ phiếu.

VSC vẫn chưa mua lại đất cho dự án. Có thể công ty sẽ mua lại từ CTCP Vận tải Xăng dầu VIPCO (mã VIP), hiện sở hữu một cảng container đang thi công trong KCN Đình Vũ. Tính đến nay, VIP đã đầu tư 132 tỷ đồng vào dự án này và đã hoàn tất phần cơ sở hạ tầng cơ bản. Nếu VIP bán lại, chúng tôi ước tính giá bán sẽ ít nhất vào khoảng 279 tỷ đồng, là giá VIP đã bán một dự án cảng container khác cho Gemadept (mã GMD). Theo ước tính của chúng tôi, nếu lượng hàng hóa vận chuyển qua cảng mới tăng 10%-15% mỗi năm, cảng sẽ đạt công suất tối đa trong vòng 7-10. Dựa trên số liệu 10 năm qua, nếu tăng trưởng GDP lên đến 6,5%-7%, các thị trường cảng Hải Phòng có thể tăng trưởng 20%/năm, cảng mới có thể chỉ cần 5 năm để đạt công suất tối đa.

Dự báo kết quả hoạt động năm 2014 sẽ không tốt

Trong Quý 2/2014, VSC sẽ trả cổ tức bằng tiền mặt tại mức 500 đồng/cổ phiếu và cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 5:1. VSC dự kiến sẽ thu về 785 tỷ đồng doanh thu (giảm 1% so với năm 2013) và 240 tỷ đồng lợi nhuận ròng (không đổi) với lý do là cảng Green Port hiện đang hoạt động với công suất tối đa và VSC phải chuyển một phần hàng hóa sang các cảng xung quanh đến khi hoàn tất việc xây dựng cảng container mới. Hai kho mới tại Green Logistics Center sẽ mang lại doanh thu năm nay, nhưng đóng góp chưa nhiều.

Các chỉ số chính	2010	2011	2012	2013
Doanh thu (tỷ đồng)	548,9	644,2	779,4	791,9
Biên lợi nhuận ròng (%)	32,7	29,6	29,3	30,4
EPS pha loãng (đồng)	14.937	7.993	9.511	8.394
Tăng trưởng EPS (%)	N/A	-46,5	18,9	-11,7
Cổ tức/cổ phiếu (đồng)	4.000	4.000	4.000	2.000
Giá trị sổ sách/CP (đồng)	0,4	0,5	0,8	1,6
PER (x)	4,8	9,0	7,6	8,6
PBR (x)	1,6	2,7	2,3	2,3
ROE (%)	37,0	32,3	32,7	29,3
Ng/CSH (%)	0,5	0,3	0,4	0,3

Báo cáo tài chính

tỷ đồng	2010	2011	2012	2013
KQLN				
Doanh thu	548	644	779	792
- Giá vốn hàng bán	-351	-415	-512	-489
Lợi nhuận gộp	197	229	268	303
- Chi phí bán hàng	0	0	0	-3
- Chi phí quản lý DN	-20	-25	-32	-31
Lợi nhuận từ hoạt động	178	204	236	269
- Lỗ/lãi tỷ giá	5	4	0	0
- Lợi nhuận khác	33	33	56	37
EBIT	215	241	291	305
- Chi phí lãi vay	-3	-1	-1	-1
EBT	212	240	290	304
- Thuế TNDN	-33	-49	-61	-63
LNST	180	191	229	240
- Lợi ích CĐTS	0	0	0	0
LNST cổ đông CT Mẹ	180	191	229	240
EBITDA	259	282	336	369
SL cổ phiếu lưu hành (triệu)	12	18	24	26
EPS	14.937	10.633	9.540	9.100

Tăng trưởng				
Tăng trưởng doanh thu %	19,9%	17,5%	21,0%	1,6%
Tăng trưởng LN HKKD %	12,4%	14,7%	15,7%	13,9%
Tăng trưởng EBIT %	22,3%	11,8%	21,0%	4,8%
Tăng trưởng EPS %	4,3%	-28,8%	-10,3%	-4,6%

Chỉ số khả năng sinh lợi				
Tỷ suất lợi nhuận gộp %	36,0%	35,6%	34,4%	38,3%
Tỷ suất LNST %	32,8%	29,6%	29,3%	30,4%
ROE %	37,3%	32,3%	32,7%	29,3%
ROA %	24,6%	22,9%	23,9%	22,0%

Chỉ số hiệu quả vận hành				
Số ngày tồn kho	7,9	8,9	8,5	9,6
Số ngày phải thu	59,3	49,4	49,6	51,1
Số ngày phải trả	68,7	63,6	55,9	59,3
Thời gian luân chuyển tiền	-1,5	-5,3	2,2	1,4

Chỉ số TK /KN thanh toán				
CS thanh toán hiện hành	2,0	2,8	2,1	2,1
CS thanh toán nhanh	2,0	2,8	2,0	2,0
CS thanh toán tiền mặt	0,3	0,3	0,2	1,2
Nợ / Tài sản	0,0	0,0	0,0	0,0
Nợ / Vốn sử dụng	0,0	0,0	0,1	0,0
Nợ / Vốn CSH	0,0	0,0	0,1	0,0
KN thanh toán lãi vay	75,2	404,2	246,8	208,5

tỷ đồng	2010	2011	2012	2013
CDKT				
Tiền và tương đương	89	59	47	282
Đầu tư TC ngắn hạn	333	389	331	61
Các khoản phải thu	81	93	119	103
Hàng tồn kho	12	8	15	10
Tài sản ngắn hạn khác	13	42	33	38
Tổng tài sản ngắn hạn	528	592	545	493
Tài sản dài hạn	430	412	593	739
- Khấu hao lũy kế	-174	-199	-239	-294
Tài sản dài hạn	255	212	354	446
Đầu tư tài chính dài hạn	0	36	0	5
Tài sản dài hạn khác	29	16	156	189
Tổng tài sản dài hạn	284	265	510	639
Tổng Tài sản	812	857	1.055	1.133
Phải trả ngắn hạn	68	77	80	79
Vay và nợ ngắn hạn	18	1	9	0
Vay và nợ ngắn hạn khác	176	134	176	161
Nợ ngắn hạn	262	211	265	239
Vay và nợ dài hạn	7	0	31	9
Phải trả dài hạn	3	3	1	1
Nợ dài hạn	9	3	33	10
Tổng nợ	271	214	297	249
Cổ phần ưu đãi	0	0	0	0
Vốn góp bổ sung	37	37	37	37
Vốn điều lệ	120	239	240	288
Lợi nhuận giữ lại	383	367	480	558
Lợi ích của CĐTS	0	0	0	0
Tổng vốn CSH	541	643	757	884
Tổng cộng nguồn vốn	812	857	1.055	1.133

Lưu chuyển tiền tệ				
Tiền đầu năm	59	89	59	47
Lợi nhuận sau thuế	180	191	229	240
+ Khấu hao	44	42	44	64
Tăng (giảm) vốn lưu động	38	-104	-109	-38
Điều chỉnh khác	0	0	0	0
Tiền từ hoạt động KD	262	129	164	267
Net Capex	-26	19	-207	-172
Các HĐ đầu tư khác	-124	-82	85	261
Tiền từ hoạt động đầu tư	-150	-62	-122	89
Cổ tức đã trả	-36	-71	-95	-90
Tăng (giảm) vốn	-10	0	1	0
Thay đổi nợ ngắn và dài hạn	-34	-24	40	-31
Tiền từ hoạt động TC	-82	-96	-54	-121
Tổng lưu chuyển tiền tệ	30	-30	-12	235
Tiền cuối năm	89	59	47	282

Tổng kết kết quả hàng quý

tỷ đồng

2013	Q1	Q2	Q3	Q4	YTD
Doanh thu	169	195	213	215	792
Lợi nhuận gộp	60	71	87	86	303
Biên LN gộp (%)	35,3%	36,5%	40,6%	39,9%	38,3%
Lợi nhuận từ hoạt động	50	64	77	75	266
Biên LN hoạt động (%)	29,7%	32,7%	36,0%	34,9%	33,6%
LN ròng	45	56	59	79	241
Biên LN ròng (%)	25,1%	28,9%	27,8%	36,9%	

2012	Q1	Q2	Q3	Q4	YTD
Doanh thu	178	204	196	201	779
Lợi nhuận gộp	64	66	66	72	268
Biên LN gộp (%)	35,8%	32,2%	33,7%	36,0%	34,4%
Lợi nhuận từ hoạt động	58	58	58	62	236
Biên LN hoạt động (%)	32,4%	0,0%	29,5%	30,9%	30,3%
LN ròng	55	59	52	62	229
Biên LN ròng (%)	31,0%	29,1%	26,4%	31,0%	28,9%

2011	Q1	Q2	Q3	Q4	YTD
Doanh thu	132	155	174	182	644
Lợi nhuận gộp	49	60	63	58	229
Biên LN gộp (%)	37,1%	38,7%	36,2%	31,9%	35,6%
Lợi nhuận từ hoạt động	44	54	56	51	204
Biên LN hoạt động (%)	33,3%	34,8%	31,6%	28%	31,7%
LN ròng	43	57	51	41	191
Biên LN ròng (%)	32,6%	36,7%	29,3%	22,5%	29,7%

Lịch công bố KQLN

	Loại hình	Ngày công bố dự kiến
Q1/2014	Hợp nhất	03/04
Q2/2014	Hợp nhất	10/07
Q3/2014	Hợp nhất	10/10
Q4/2015	Hợp nhất	06/02

Sơ lược về công ty

Lĩnh vực kinh doanh

Doanh thu

Lợi nhuận ròng

Cảng và logistics

792 tỷ đồng – 37,7 triệu USD (2013)

241 tỷ đồng – 11,3 triệu USD (2013)

Yếu tố doanh thu chính

Yếu tố chi phí chính

Yếu tố rủi ro chính

Các khách hàng chính

Tăng trưởng GDP

Nguyên liệu, chi phí khấu hao

Cạnh tranh từ các đối thủ trong nước

Các hãng tàu

Lãnh đạo

Địa chỉ

Website

Email

Điện thoại

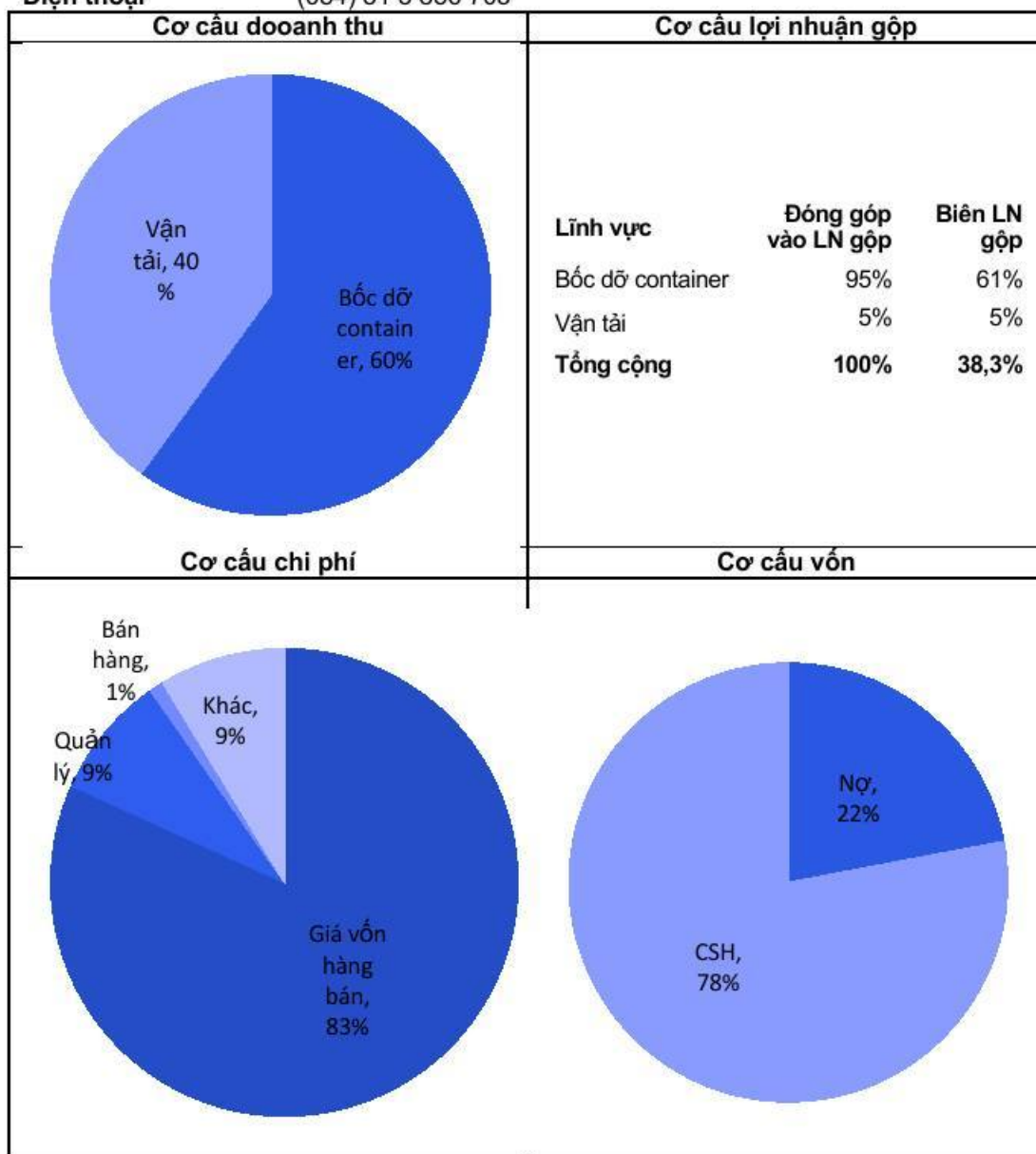
Ông Nguyễn Việt Hòa (Chủ tịch HĐQT), Ông Nguyễn Văn Tiến (TGD)

11 đường Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

www.viconship.com

viconship@vnn.vn

(084) 31 3 836 705



Nguồn: VSC và ước tính của VCSC (2013)

Nội dung cập nhật

- KQLN 2013
- Đầu tư chiến lược vào PSP và Danalog
- Định giá

Kết quả hoạt động năm 2013 chưa cao

Doanh thu năm 2013 của công ty đạt 791,9 tỷ đồng (tăng 1,6% so với năm 2012) và lợi nhuận ròng đạt 240,5 tỷ đồng (tăng 5,2%). Tuy nhiên, thu nhập năm 2013 gồm 13 tỷ đồng tiền lãi từ việc thu hồi một số khoản doanh thu khó đòi của MSC, một công ty liên kết của VSC. Nếu không tính khoản lãi này, lợi nhuận của VSC không hề tăng trong năm 2013. Có hai lý do khiến tăng trưởng còn yếu: 1) Green Port hiện đã hoạt động với công suất tối đa, 2) Các hãng tàu hiện vẫn kinh doanh không có lãi, vì vậy VSC không thể tăng chi phí bốc dỡ.

Trong năm 2013, VSC đã bước đầu tiến hành phát triển mạng lưới logistics của riêng mình với việc hoàn tất trung tâm Green Logistics Center, có tổng chi phí 141 tỷ đồng. Trung tâm này gồm hai kho CFS với tổng diện tích mặt bằng là 15.000m² và sẽ hoạt động như một hub. Một hub có vị trí thuận lợi có thể góp phần giảm tổng chi phí vận chuyển.

Xem xét đầu tư chiến lược vào PSP và Danalog

Ban lãnh đạo dự định mua lại 3,3 triệu cổ phiếu của PSP với giá tổng cộng 33 tỷ đồng, khi PSP phát hành thêm 7 triệu cổ phiếu để huy động vốn chủ sở hữu. Sau giao dịch này, VSC sẽ nắm 8,69 triệu cổ phiếu, tương đương 21,7% cổ phần của PSP. PSP có hoạt động kinh doanh tương tự như VSC, bao gồm dịch vụ cảng, kho bãi và vận chuyển.

Ban lãnh đạo VSC đã nhất trí tăng cổ phần tại Danalog, một công ty con của Vinalines, thông qua đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng sắp tới. Danalog cung cấp các dịch vụ cảng, vận chuyển và kho bãi. Hiện tại, VSC nắm 37% cổ phần của Danalog. Danalog có kết quả lợi nhuận không khả quan lắm. Năm 2012, doanh thu của công ty đạt 39 tỷ đồng, biên lợi nhuận ròng đạt 1,2%. Danalog có bảng cân đối kế toán lành mạnh với nợ tổng cộng 9 tỷ đồng, trong khi tổng giá trị tài sản là 39 tỷ đồng. Một trong những lý do khiến kết quả lợi nhuận kém là Danalog có bộ máy quản lý cồng kềnh. Tỷ lệ chi phí quản lý/doanh thu của Danalog là 15,38%, trong khi của VSC chỉ là 3,9%. VSC đã tham gia vào chương trình tái cơ cấu của Danalog.

Các khoản đầu tư trên tuy sẽ không đóng góp đáng kể vào doanh thu và thu nhập ròng của VSC, nhưng dự kiến sẽ giúp VSC khẳng định vị trí là một nhà cung cấp giải pháp logistic trọn gói. Bằng cách đầu tư vào Danalog và PSP, VSC sẽ mở rộng đáng kể phạm vi hoạt động logistics cả về mặt địa lý lẫn chức năng. Thông qua việc đưa ra một mạng lưới khép kín rộng khắp cả nước gồm vận chuyển, kho bãi và dịch vụ cảng, VSC sẽ giúp khách hàng không cần thuê nhiều nhà cung cấp dịch vụ khác nhau nữa.

Định giá

	VSC	DVP	DXP	PSP	Trung vị	Trung bình
EV/EBIT	7,6	10,4	5,7	13,9	6,6	9,4
Biên EBITDA (%)	42,0	60,0	47,0	26,8	34,4	44,0
Biên EBIT (%)	33,9	40,0	32,8	16,1	24,5	30,7
Biên LN ròng (%)	30,4	39,4	28,5	5,9	18,2	26,0

Về giá trị doanh nghiệp/EBIT, VSC hiện đang giao dịch tại mức 7,56 lần, thấp hơn so với mức trung bình của toàn ngành là 9,4 lần. Hiện giá cổ phiếu VSC tỏ ra thấp hơn so với giá trị thực nhưng chúng tôi cho rằng mức giá này là hợp lý vì trong ngắn hạn triển vọng tăng trưởng lợi nhuận của VSC thấp hơn so với các công ty trong ngành. Xin lưu ý là khi cảng container mới được hoàn tất, VSC sẽ phải chịu chi phí khấu hao và lãi vay đáng kể. Trong những năm đầu, các chi phí này có thể lấy đi toàn bộ doanh thu do cảng mới mang lại, khiến lợi nhuận ròng không được cải thiện. Tuy nhiên, dự án cảng mới sẽ bù đắp lại cho VSC trong dài hạn. Các đối thủ của VSC như DVP và DXP sẽ đạt đến công suất tối đa trong vài năm tới và VSC sẽ có lợi thế trong việc giành thị phần từ các công ty này bằng cách lấy được các hợp đồng mà các công ty này không thể đáp ứng do công suất hạn chế.

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Tôi, Nguyễn Hồng Quang, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của VCSC

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường 20%
KHẢ QUAN	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Nếu giá mục tiêu cao hoặc thấp hơn giá thị trường 10%
KÉM KHẢ QUAN	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường 10%-20%
BÁN	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường 20%
KHÔNG KHUYẾN NGHỊ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do chủ quan hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, ví dụ như khi VCSC đang thực hiện dịch vụ tư vấn M&A hay tư vấn chiến lược nào đó liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Khuyến nghị đầu tư và giá mục tiêu cho cổ phiếu này bị hoãn lại vì chưa có đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Giá mục tiêu: Trong hầu hết trường hợp, giá mục tiêu sẽ tương ứng với đánh giá của chuyên viên phân tích về giá trị hợp lý hiện tại của cổ phiếu. Giá mục tiêu là mức giá cổ phiếu nên được giao dịch ở hiện tại nếu thị trường đồng ý quan điểm của chuyên viên phân tích và có những yếu tố xúc tác cần thiết để tạo ra sự thay đổi nhận thức trong thời hạn nhất định. Tuy nhiên, nếu chuyên viên phân tích tin rằng trong thời hạn xác định sẽ không có tin tức, sự kiện hoặc yếu tố thúc đẩy cần thiết để cổ phiếu có thể đạt đến giá trị hợp lý thì giá mục tiêu có thể khác với giá trị hợp lý. Vì thế, trong hầu hết trường hợp, khuyến nghị của chúng tôi chỉ là đánh giá sự chưa phù hợp giữa giá thị trường hiện tại và giá trị hợp lý hiện tại của cổ phiếu theo quan điểm của chúng tôi.

Phương pháp định giá: Để xác định giá mục tiêu, chuyên viên phân tích có thể sử dụng nhiều phương pháp định giá khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn, phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do và định giá so sánh. Việc lựa chọn phương pháp tùy thuộc vào từng ngành, công ty, tính chất cổ phiếu và nhiều yếu tố khác. Kết quả định giá có thể dựa trên một hoặc kết hợp nhiều phương pháp sau: 1) **Định giá dựa trên nhiều chỉ số** (P/E, P/CF, EV/doanh thu, EV/EBIT, EV/EBITA, EV/EBITDA), so sánh nhóm công ty và dựa vào số liệu quá khứ; 2) **Mô hình chiết khấu** (DCF, DVMA, DDM); 3) **Phương pháp tính tổng giá trị các thành phần** hoặc các phương pháp định giá dựa vào tài sản; và 4) **Phương pháp định giá sử dụng lợi nhuận kinh tế** (Lợi nhuận thặng dư, EVA). Các mô hình định giá này phụ thuộc vào các yếu tố kinh tế vĩ mô như: tăng trưởng GDP, lãi suất, tỷ giá, nguyên liệu với các giả định khác về nền kinh tế cũng như những rủi ro vốn có trong công ty đang xem xét. Ngoài ra, tâm lý thị trường cũng có thể ảnh hưởng đến việc định giá công ty. Quá trình định giá còn căn cứ vào những kỳ vọng có thể thay đổi nhanh chóng mà không cần thông báo, tùy vào sự phát triển riêng của từng ngành.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Liên hệ

Trụ sở chính

Bitexco, Lầu 15, Số 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. HCM
+84 8 3914 3588

Phòng giao dịch

Số 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
+84 8 3914 3588

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
+84 4 6262 6999

Phòng giao dịch

236 - 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM
+84 8 3914 3588

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Trưởng phòng cao cấp

Tôn Minh Phương

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

+84 8 3914 3588

CV cao cấp, Đinh Thị Như Hoa

CV cao cấp, Ngô Bích Vân

CV cao cấp, Phạm Đình Ân

CV PTKT cao cấp, Nguyễn Thế Minh

Chuyên viên, Vũ Thị Trà Lý

Chuyên viên, Nguyễn Quốc Hòa

Chuyên viên, Đặng Văn Pháp

Chuyên viên, Doãn Hải Phương

Chuyên viên, Văn Đình Vỹ

Chuyên viên, Dương Mỹ Thanh

Chuyên viên, Nguyễn Hồng Quang

Chuyên viên, Ngô Đăng Quế

Phòng Giao dịch chứng khoán khách hàng tổ chức

& Cá nhân nước ngoài

Tổ chức nước ngoài

Michel Tosto, M.Sc.

+84 8 3914 3588, ext 102

michel.tosto@vcsc.com.vn

Tổ chức trong nước

Nguyễn Quốc Dũng

+84 8 3914 3588, ext 136

dung.nguyen@vcsc.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng trong nước

Tp. Hồ Chí Minh

Châu Thiên Trúc Quỳnh

+84 8 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vcsc.com.vn

Hà nội

Nguyễn Huy Quang

+84 4 6262 6999, ext 312

quang.nguyen@vcsc.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.